

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/DS-ST
Ngày: 31 – 7 – 2025
“*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Thêu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nga, bà Ngô Thị Như Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Đạt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2025/ TLST-DS, ngày 13/5/2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST- DS, ngày 16/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-DS ngày 02/7/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn N – Chuyên viên xử lý nợ (VB ủy quyền số 42256/2025/UQN-LCC-KHCNMB1 ngày 10/4/2025). Có mặt.

2. Bị đơn: Sỹ Văn D, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (nay là phường H, tỉnh Phú Thọ). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa ý kiến của ông Bùi Văn N – Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Sỹ Văn D vay của Ngân hàng TMCP V theo 03 HĐTD:

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số LD2217501758 ngày 24/6/2022, số tiền vay 180.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay: vay tiêu dùng, lãi suất thời điểm giải ngân là 21%/năm.

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LD2312901341 ngày 09/5/2023,

số tiền vay 53.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay: vay tiêu dùng; lãi suất thời điểm giải ngân là 32%/năm.

- Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng ngân hàng điện tử ký số 324-P-0804347 ký ngày 22/3/2023, số tiền vay 60.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay: vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng. Ngân hàng đã đôn đốc nhưng ông D không trả nợ.

Nay Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc ông Sỹ Văn D phải trả cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 31/7/2025 là: 455.740.193 đồng, trong đó: nợ gốc là: 256.470.346 đồng, nợ lãi là: 199.269.847 đồng.

- Yêu cầu ông D tiếp tục thanh toán tiền lãi phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng được ký kết kể từ ngày 01/8/2025 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

- Yêu cầu tòa án tuyên trong bản án: V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của ông Sỹ Văn D để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1.

2. Bị đơn ông Sỹ Văn D không có mặt tại nơi cư trú, tòa án đã niêm yết, triệu tập họp lệ nhưng ông D không xuất hiện nên không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án và phản tố.

3. Tòa án đã tiến hành xác minh nơi ở của bị đơn theo nguyên đơn cung cấp:

- Xác minh tại Công an phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình (nay là Công an phường H, tỉnh Phú Thọ) cho biết: Ông Sỹ Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường T, TP H, tuy nhiên quá trình sinh sống thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không biết đi đâu làm gì.

- Xác minh tại tổ dân phố H, phường T ông tổ trưởng cho biết: Anh Sỹ Văn D là cư dân tổ H, phường T, có đăng ký hộ khẩu tại địa phương. Nhưng hiện nay anh D và gia đình đã chuyển đi nơi khác sinh sống được khoảng hơn 01 năm, không biết đi đâu làm gì.

Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình (nay là TAND Khu vực 12) đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ nhưng phía bị đơn đã được tổng đạt, niêm yết họp lệ

nhưng không có mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do đó vụ án phải đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa Đại diện Ngân hàng V1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

- Buộc ông Sỹ Văn D phải trả cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 31/7/2025 là: 455.740.193 đồng, trong đó: nợ gốc là: 256.470.346 đồng, nợ lãi là: 199.269.847 đồng.

- Yêu cầu ông D tiếp tục thanh toán tiền lãi phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng được ký kết kể từ ngày 01/8/2025 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Rút yêu cầu khởi kiện đối với phần: Yêu cầu tòa án tuyên trong bản án: V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của ông Sỹ Văn D để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại giai đoạn điều tra tài liệu chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp chưa được đầy đủ, tuy nhiên tại phiên tòa đã bổ sung đầy đủ tài liệu và lời khai.

2. Về nội dung:

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu tòa án tuyên trong bản án: V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của ông Sỹ Văn D để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc ông Sỹ Văn D phải trả cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 31/7/2025 là: 455.740.193 đồng, trong đó: nợ gốc là: 256.470.346 đồng, nợ lãi là: 199.269.847 đồng. Yêu cầu ông D tiếp tục thanh toán tiền lãi phí phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng được ký kết kể từ ngày 01/8/2025 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng V1 khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là ông Sỹ Văn D, cư trú tại: tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (nay là phường H, tỉnh Phú Thọ). Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự và đã xác định phạm vi khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn không có ý kiến và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình (nay là TAND Khu vực 12 – Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ), nên về hành vi, quyết định tố tụng là hợp pháp, tuân thủ quy định pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt người tham gia tố tụng: Bị đơn, đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ vẫn tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về nợ gốc:

Ông Sỹ Văn D đã ký với Ngân hàng TMCP V các hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng như sau:

Đối với hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số LD2217501758 ngày 24/6/2022, số tiền vay 180.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay: vay tiêu dùng, lãi suất thời điểm giải ngân là 21%/năm; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LD2312901341 ngày 09/5/2023, số tiền vay 53.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay: vay tiêu dùng; lãi suất thời điểm giải ngân là 32%/năm; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng ngân hàng điện tử ký số 324-P-0804347 ký ngày 22/3/2023, số tiền vay 60.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay: vay tiêu dùng. Thực hiện theo đúng hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay theo các hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng cho ông Sỹ Văn D. Ông D đã nhận đủ số tiền, quá trình thực hiện hợp đồng ông D đã thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 18/7/2025 theo hai hợp đồng tín dụng tổng số tiền cả gốc và lãi là: 93.175.559 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, các hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Đối với hợp đồng, thẻ tín dụng được ký bằng chữ ký điện tử, bị đơn không trực tiếp ký vào hợp đồng giấy, nhưng đã ký dưới hình thức chữ ký điện tử, có xác nhận mã OTP và được xác nhận bởi thông tin bí mật giữa khách hàng và tổ chức tín dụng, thể hiện bằng việc tổ chức tín dụng đã giải ngân và khách hàng nhập mã để nhận được khoản tiền vay như đề nghị phù hợp với các quy định của pháp luật tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo cam kết.

2.2. Về số tiền nợ lãi: Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: "...Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Theo hợp đồng tín dụng lãi suất cho vay thời điểm giải ngân từ 21 % - 35%/năm, được điều chỉnh khi có thay đổi theo thông báo của Ngân hàng V1 trong từng thời kỳ và lãi suất quá hạn = 150% lãi suất quá hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm. Xét thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng trên không trái với quy định của Bộ luật Dân sự 2015, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 cũng như quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng, quyết định về điều chỉnh lại suất của Ngân hàng, điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại V1 tại thời điểm ký kết nên hợp đồng nên có hiệu lực.

Từ những nhận định trên cần buộc ông Sỹ Văn D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V1 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh, tạm tính đến ngày 31/7/2025 tổng cộng là: 455.740.193 đồng , trong đó: nợ gốc là: 256.470.346 đồng, nợ lãi là: 199.269.847 đồng.

Theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày 01/8/2025 ông D còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền phải thanh toán trả Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[4] *Về án phí*: Do yêu toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Yêu cầu tòa án tuyên trong bản án: V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của ông Mai Trung H để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1): Buộc ông Sỹ Văn D phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 31/7/2025 tổng cộng là: 455.740.193 đồng, trong đó: nợ gốc là: 256.470.346 đồng, nợ lãi là: 199.269.847 đồng.

3. Kể từ ngày 01/8/2025 cho đến khi thi hành xong ông D còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về án phí: ông Sỹ Văn D phải chịu 22.229.600 (Hai mươi hai triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V (V1) 9.800.000 (Chín triệu tám trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004517 ngày 13/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự 12 – Phú Thọ).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND KV12-PT;
- CQ THADS tỉnh PT;
- Phòng THADS 12 – PT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Thêu